

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 27-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm p_Hn - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh LA tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Ngọc Lợi - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Võ Hùng H (Tên khác: #), Sinh năm 1982 tại LA; đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 35 tuổi; Nơi đăng ký thường trú: Ấp 1A, xã L, huyện C, tỉnh LA; Nơi sinh sống (Cư trú): Ấp 1A, xã L, huyện C, tỉnh LA; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá (Học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Hu và bà Nguyễn Thị E; Có vợ Nguyễn Thị Trúc G và 01 người con 10 tuổi; Tiền sự: Chưa có; Tiền án: Có 01 tiền án: Bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh LA xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 19/2015/HSST ngày 14/4/2015, chấp hành xong hình phạt ngày 17/9/2016, chưa được xóa án tích; Về nhân thân:

+ Bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh LA xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 07/2008/HSST ngày 21/01/2008, đã được xóa án tích.

+ Bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh LA xử phạt 03 năm tù về tội “Giao cầu với trẻ E” theo Bản án số 45/2008/HSST ngày 18/7/2008, đã được xóa án tích.

+ Bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh LA xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 37/2011/HSST ngày 06/9/2011, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 06/6/2018 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bị hại*: Chị **Nguyễn Mộng Thùy L**, sinh năm 1987 (Yêu cầu xét xử vắng mặt);

Nơi ĐKTT: Thôn A, xã T, thị xã L, tỉnh P;

Nơi tạm trú: Ấp 1A, xã L, huyện C, tỉnh LA;

- *Những người làm chứng*:

1/ Ông **Võ Văn S**, sinh năm 1951 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 1B, xã L, huyện C, tỉnh LA;

2/ Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1952 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 1B, xã L, huyện C, tỉnh LA;

3/ Anh **Võ Ch**, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 1A, xã L, huyện C, tỉnh LA;

4/ Anh **Võ ChÂu Th**, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 1A, xã L, huyện C, tỉnh LA;

5/ Chị **Trần Thị Mỹ Ph**, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 5, xã H, huyện C, tỉnh LA;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 19/02/2018, chị Nguyễn Mộng Thùy L đi bộ từ nhà đến tiệm tạp hóa thuộc Ấp 1B, xã L để mua Card điện thoại, khi về chị L gặp Võ Hùng H (anh chồng của chị L) đang đi bộ tới. Do có tình cảm đơn phương đối với chị L nên H nảy sinh ý định giao cấu với chị L. H lấy cục đá xanh trên đường cầm trên tay phải dọa đánh chị L, còn tay trái nắm lấy cổ tay phải của chị L kéo đi. Khi đến trước nhà của ông Võ Văn S thuộc Ấp 1B, xã L, H ném cục đá xanh và lấy cục đá bê tông có kích thước lớn hơn để đe dọa, kêu chị L đi theo nếu không sẽ dùng đá đánh. Khi đến gò đất, H đè chị L nằm ngửa xuống đất chỗ bụi cây chuối, chị L dùng chân đạp lại và nói H là anh chồng không được làm vậy. Sợ bị phát hiện, H kéo chị L lại vị trí gốc cây Quách, có nhiều cây bụi che khuất, tiếp tục đè chị L nằm ngửa xuống đất rồi ngồi đè lên chân chị L, kéo dây kéo áo khoác chị L đang mặc bên ngoài xuống và vén áo thun của chị L lên tới vai, H hôn vào môi, cổ, ngực

của chị L, cởi quần ngoài, quần lót của chị L ra và hôn vào bộ phận S dục của chị L. Sau đó, H dùng một tay giữ chân chị L, một tay cởi quần của mình, đưa dương vật vào âm hộ của chị L thực hiện hành vi giao cấu. Khi giao cấu xong, H đứng dậy mặc quần áo vào thì Công an xã L đến nên H bỏ chạy.

Trước đó, vào rạng sáng ngày 18/02/2018, sau khi đi vệ S, H đi ngang qua giường ngủ của chị L và thấy chị L cùng chồng, con của chị L còn ngủ, dưới chân để 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 đang sạc pin, bên trong điện thoại có gắn 01 thẻ sim 0121.737.9881 và 01 thẻ sim Vietnam Mobile không rõ số thuê bao. H nảy sinh ý định trộm điện thoại bán lấy tiền tiêu xài nên rút điện thoại khỏi dây sạc, bỏ vào túi quần rồi đi ra ruộng. Đến khoảng 6 giờ 30 phút cùng ngày, chị L phát hiện mất điện thoại nên cùng chồng gọi vào máy nhưng không ai bắt máy, sau nhiều lần gọi thì người bắt máy là H và H thừa nhận là người lấy điện thoại, H hẹn chị L 19 giờ cùng ngày ra đầu đường vào nhà H sẽ trả lại. Đến giờ hẹn, chị L, anh Ân (chồng chị L) và anh Võ Châu Th (em của H) cùng đi đến chỗ hẹn nhưng thấy có người đi chung với chị L nên H bỏ đi. Sau đó, H bán điện thoại của chị L được số tiền 900.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo khai: Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo lấy trộm điện thoại của chị L mang đi bán; bản thân bị cáo có tình cảm đơn phương với chị L nên dùng đá cầm trên tay nhằm cho chị L sợ để kéo chị L vào gò hoang quan hệ tình dục. Bị cáo bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” và “Hiếp dâm” là đúng, không oan sai; Cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” đối với bị cáo là phù hợp. Bị cáo không có ý kiến về Kết luận định giá tài sản; Kết luận giám định pháp y về tình dục; các Kết luận giám định phân tích kiểu gen; Lời khai của người bị hại và lời khai của những người làm chứng vắng mặt mà Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo; không có ai đe dọa, cưỡng ép. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường giá trị điện thoại di động và giá trị khôi phục thẻ sim cho chị L tổng số tiền 1.891.500 đồng.

Lời trình bày của người bị hại chị Nguyễn Mộng Thùy L tại Cơ quan cảnh sát điều tra như sau:

H là anh chồng của chị, khoảng 6 giờ 30 phút ngày 18/02/2018, khi ngủ dậy chị phát hiện mất điện thoại hiệu Samsung Galaxy J2 nên nói với chồng và gọi điện vào máy nhưng không ai nghe, gọi một lúc thì H nghe và hẹn 19 giờ cùng ngày trả lại máy, nhưng khi chị, chồng và em trai chồng đến điểm hẹn thì không thấy H. Khoảng 11 giờ ngày 19/02/2018, chị đi mua đồ ở quán tạp hóa, trên đường về gặp H. H cầm cục đá trên tay đe dọa và kéo chị vào gò đất hoang thực hiện hành vi giao cấu; H đe dọa giết chị, dùng tay đánh vào mặt chị 01 cái nhưng không gây thương tích; chị phản kháng nhưng không đủ sức và lo sợ trước sự đe dọa của H nên chị đã bị H thực hiện hành vi giao cấu trái với ý muốn. Nay chị yêu cầu Tòa án xử lý H theo quy định của pháp luật, yêu cầu H bồi thường tài sản bị trộm cắp theo giá trị

định giá là 1.891.500 đồng, chi không yêu cầu bồi thường gì khác, kể cả tổn thất tinh thần.

Bản Cáo trạng số 17/CT-VKSCĐ ngày 23/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh LA truy tố bị cáo Võ Hùng H về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Hiếp dâm” theo khoản 1 Điều 141 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Võ Hùng H đủ yếu tố cấu thành các tội “Trộm cắp tài sản” và “Hiếp dâm”. Bị cáo có 01 tiền án về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích và nhân thân xấu. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình Sự. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền nhân thân và tài sản của người bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội nên cần phải nghiêm trị.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Võ Hùng H phạm các tội “Trộm cắp tài sản” và “Hiếp dâm”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Hùng H từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Hùng H từ 03 đến 04 năm tù về tội Hiếp dâm.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Đề nghị miễn phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 1.891.500 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 cục đá bê tông không rõ hình, kích thước chỗ rộng nhất 0,16m, chỗ hẹp nhất 0,04m và 01 đôi dép nhựa màu xanh, trắng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2018.

Ý kiến tranh luận của bị cáo về quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét nội dung vụ án:* Bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản và hiệp d'Ânm phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trong vụ án này, bị cáo thực hiện 02 tội phạm độc lập đối với cùng 01 bị hại nên cần xem xét, phân tích, đánh giá từng hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] *Đối với tội “Trộm cắp tài sản”:*

[2.1.1] Rạng sáng ngày 18/02/2018, lợi dụng lúc chị Nguyễn Mộng Thùy L cùng gia đình đang ngủ, bị cáo lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 của chị L mang đi bán với giá 900.000 đồng tiêu xài cá nhân. Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 14/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh LA kết luận: Giá trị còn lại của điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 là 1.861.500 đồng; giá trị phục hồi thẻ sim Mobiphone thuê Bo số 0121.737.9881 là 30.000 đồng; riêng thẻ sim Vietnamobile không rõ số nên không có cơ sở khảo sát định giá.

Mặc dù bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài có giá trị dưới 2.000.000 đồng, nhưng bị cáo có 01 án tích về tội chiếm đoạt tài sản của người khác: Ngày 14/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh LA xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 19/2015/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 17/9/2016, chưa được xóa án tích. Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;”. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình Sự. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2.1.2] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hành vi trộm cắp tài sản.

[2.1.3] *Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.1.4] *Xét hình phạt đối với bị cáo*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người bị hại; tác động xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có 01 tiền án về các tội chiếm đoạt tài sản của người khác, đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích nhưng vẫn chứng nào tật ấy, không chịu sửa đổi. Về nhân thân, bị cáo có 02 lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản vào các năm 2008, 2011; 01 lần bị xét xử về tội giao cấu với trẻ em vào năm 2008. Là một thanh niên có sức khỏe, đáng lẽ bị cáo chăm chỉ lao động để phục vụ nhu cầu bản thân, chăm lo cho gia đình, góp phần ổn định xã hội, gìn giữ an ninh trật tự chung. Nhưng bị cáo lại thực hiện hành vi mà pháp luật nghiêm cấm, trái với các chuẩn mực đạo đức xã hội; bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động; trộm cắp tài sản có được từ công sức lao động vất vả của người khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Với tính chất hành vi, khả năng nhận thức của bị cáo, mức độ hậu quả mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục.

[2.1.5] *Xét hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên miễn phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.1.6] *Xét trách nhiệm dân sự*: Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản số tiền 1.891.500 đồng là phù hợp với các Điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường của người bị hại.

[2.2] *Đối với tội “Hiếp dâm”*:

[2.2.1] Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 19/02/2018, bị cáo H dùng vũ lực lôi kéo, cầm đá đe dọa, dùng tay đánh chị Nguyễn Mộng Thùy L để thực hiện hành vi giao cấu với chị L, mặc cho chị L phản kháng.

Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 10/TD.18-PY ngày 06/03/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh LA kết luận bộ phận sinh dục của Nguyễn Mộng Thùy L không bị xây sát, không vết bầm; màng trinh rách cũ vị trí 06 giờ, 09 giờ, màng trinh dẫn rộng, đứt lọt 02 ngón tay; hiện tại Nguyễn Mộng Thùy L không có thai. Kết luận giám định số 1054/C54B ngày 22/3/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Tp.Hồ Chí Minh kết luận trong mẫu dịch Âm đạo ghi thu của Nguyễn Mộng Thùy L có tinh trùng người; phân tích gen (ADN) theo hệ Identifiler được 01 kiểu

gen (ADN) nam giới hoàn chỉnh. Kết luận giám định số 1755/C54B ngày 10/5/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Tp.Hồ Chí Minh kết luận phân tích kiểu gen theo hệ Identifiler cho thấy kiểu gen của đối tượng Võ Hùng H trùng với kiểu gen được lưu tại kết luận giám định số 1054/C54B ngày 22/3/2018 của phân viện khoa học hình sự tại Tp.Hồ Chí Minh.

Tại khoản 1 Điều 141 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”*.

Bị cáo dùng vũ lực để giao cấu trái với ý muốn của chị L, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm” theo khoản 1 Điều 141 của Bộ luật Hình sự. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, tuyên bố bị cáo phạm tội “Hiếp dâm”.

[2.2.2] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích, nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này là tái phạm, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.2.3] *Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.2.4] *Xét hình phạt đối với bị cáo*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến nhân thân của người bị hại; tác động xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Về nhân thân, bị cáo có 02 lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản vào các năm 2008, 2011; 01 lần bị xét xử về tội giao cấu với trẻ em vào năm 2008. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Với tính chất hành vi, khả năng nhận thức của bị cáo, mức độ hậu quả mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục.

[2.1.6] *Xét trách nhiệm dân sự*: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, kể cả tổn thất tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về vật chứng, tang vật của vụ án*: Vật chứng của vụ án gồm 01 cục đá bê tông không rõ hình, kích thước, chỗ rộng nhất 0,16m, chỗ hẹp nhất 0,04m không có giá trị sử dụng; 01 đôi dép nhựa màu xanh, trắng thu được tại hiện trường của Võ Hùng H nhưng bị cáo không nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu, tiêu hủy. Tất cả vật chứng hiện nay Chi

cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh LA đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2018.

[4] *Về án phí*: Bị cáo Võ Hùng H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự về Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội;

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; **khoản 1 Điều 329**; Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Áp dụng các Điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố: Bị cáo Võ Hùng H phạm các tội “**Trộm cắp tài sản**” và “**Hiếp dâm**”;

Xử phạt bị cáo Võ Hùng H 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Võ Hùng H 03 (B) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Hiếp dâm”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo Võ Hùng H là 04 (bốn) năm 03 (B) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Miễn phạt tiền cho bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Võ Hùng H phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Mộng Thùy L số tiền 1.891.500 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu bị cáo H bồi thường tổn thất tinh thần.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành theo Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về xử lý vật chứng, tang vật của vụ án: Tịch thu, tiêu hủy 01 cục đá bê tông không rõ hình, kích thước chỗ rộng nhất 0,16m, chỗ hẹp nhất 0,04m và 01 đôi dép nhựa màu xanh, trắng. Các vật chứng hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh LA đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2018.

Về án phí: Bị cáo Võ Hùng H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người bào chữa (Nếu có);
- Người có QLNVLQ (Nếu có);
- VKSND huyện C;
- VKSND tỉnh LA;
- Cơ quan CSĐT CA huyện C;
- Nhà tạm giữ Công an huyện C;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Cơ quan Thi hành án DÂN sự;
- Lưu: Ấn văn, Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HUỖNH HỮU NGHĨA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm B người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân dân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân dân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả B Hội thẩm nhân dân (quân nhân dân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân dân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân dân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ B ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ B ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm S tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm S hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi S sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính

hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pHP luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhẬN thẬN ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pHP nhẬN thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pHP luật, tiền án, tiền sự của pHP nhẬN thương mại và các thông tin cần thiết kHC; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pHP th ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pHP của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn XuẬN thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhẬN dẬN công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xẬNm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhẬN phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tHng, năm S của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dẬN sự, bị đơn dẬN sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pHP luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này

phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)